

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 5 năm 2023

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Tháng 5/2023, hoạt động sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh chịu tác động tiêu cực tình hình kinh tế trong nước và thế giới; tình hình xung đột ở Nga-Ukraina vẫn diễn biến phức tạp, nhu cầu thị trường suy giảm, thiếu nguyên nhiên vật liệu. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) chỉ tăng 1,21% so với tháng trước và tăng 4,95% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,99%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 8,61%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,22%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 0,04% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,01% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng cùng kỳ năm 2022 (+8,02%). Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ số sản xuất tăng không cao (+4,58%) nguyên nhân do ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, nhất là các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng xuất khẩu; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 26,02%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,36%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 4,89% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 5 năm 2023 tăng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Bia lon tăng 105,98%; nước hoa quả, tăng lực tăng 61,84%; tấm lợp pro xi măng tăng 22,07%; gạch xây tăng 52,53%; đá xây dựng tăng 20,61%; điện sản xuất tăng 11,07% so với tháng cùng kỳ năm trước. Một số sản phẩm công nghiệp giảm như: Tinh bột sắn giảm 41,75%; sắn xe các loại giảm 22,27%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 18,64%; ván ép giảm 17,4%; lốp xe các loại giảm 14,38%; phân hoá học (NPK) giảm 8,99%; dăm gỗ giảm 2,24% so cùng kỳ năm trước.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 5 tháng đầu năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Bia lon tăng 109,97%; điện sản xuất tăng 34,31%; bộ com-lê, quần áo tăng 10,3%. Một số sản phẩm công nghiệp

giảm như: Ván ép giảm 25,87%; sắm xe các loại giảm 24,59%; gỗ cửa, gỗ xẻ giảm 18,34%; tấm lợp pro xi măng giảm 12,76%; dăm gỗ giảm 8,2%; lốp xe các loại giảm 8,45%; phân hoá học (NPK) giảm 4,75%; nước hoa quả, tăng lực giảm 1,44%; đá xây dựng giảm 0,43% so cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Tháng 5/2023, tình hình cung cầu thị trường, giá cả hàng hóa trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định so với tháng trước. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định và đạt mức tăng trưởng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng 5/2023 ước đạt 2.695,49 tỷ đồng, tăng 17,48% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Trong 5 tháng đầu năm 2023, đặc biệt vào cuối tháng 4 và đầu tháng 5 trên địa bàn tỉnh diễn ra nhiều sự kiện và kỷ niệm các ngày lễ lớn nên đã thu hút khá đông khách đến tham quan, mua sắm và nghỉ dưỡng, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển; không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, tăng giá cục bộ gây bất ổn thị trường. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 12.847,5 tỷ đồng, tăng 18,06% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 10.314,3 tỷ đồng, tăng 16,87% và doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 2.533,22 tỷ đồng, tăng 23,16% so cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét các đề án khuyến công tỉnh năm 2023; Tham mưu thành lập và tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra tình hình hoạt động các dự án chế biến gỗ, sản phẩm từ gỗ trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo phục vụ Đoàn giám sát HĐND tỉnh về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND và số 39/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo đề xuất các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để chuẩn bị nội dung tổ chức đối thoại doanh nghiệp năm 2023; Hoàn thành tham luận và tham gia Hội nghị phân tích, đánh giá chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI năm 2022.

- Hoàn thiện Dự thảo bãi bỏ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh về việc về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; Tiếp tục hỗ trợ đẩy nhanh công tác GPMB dự án Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây đầu nối Quảng Trị - Vũng Áng - Đà Nẵng.

- Chỉ đạo triển khai các biện pháp cấp bách ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn theo Công điện của Thủ tướng Chính phủ. Tuyên truyền thực hiện giá bán điện theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023 của Bộ Công Thương.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức Đoàn công tác của Trung ương về khảo sát thực địa tại khu vực Cửa khẩu quốc tế La Lay và các cửa khẩu trên địa bàn; Đoàn kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật về kinh doanh xăng dầu

và khí dầu mỏ hóa lỏng; Đoàn cán bộ, doanh nghiệp tỉnh tham gia Chương trình kết nối giao thương giữa nhà cung cấp của khu vực miền Trung - Tây Nguyên với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại tỉnh.

- Tổ chức rà soát khó khăn, vướng mắc trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; Tham mưu đề xuất vướng mắc về xử lý mặt hàng đường cát nhập lậu; Thành lập Tổ soạn thảo Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025. Đề xuất Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh năm 2023. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" năm 2023.

- Chuẩn bị nội dung và tham gia Đoàn tiếp xúc cử tri tại các xã trên địa bàn tỉnh; Báo cáo Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022; tham gia tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền và phối hợp tổ chức thành công Đại hội điểm Công đoàn Ngành Công Thương lần thứ IV, nhiệm kỳ 2023-2028; Hoạt động kỷ niệm 72 năm Ngày Truyền thống ngành Công Thương (14/5/1951-14/5/2023) và Tháng Công nhân năm 2023.

- Chuẩn bị nội dung và làm việc Sở Tài chính quyết toán các nguồn kinh phí thường xuyên và các đề án năm 2022; Báo cáo phục vụ Hội nghị ngành Công Thương 6 tỉnh khu vực Bắc Trung bộ năm 2023 tại tỉnh Thừa Thiên - Huế; Tổng hợp cung cấp số liệu phục biên soạn GRDP sơ bộ quý I, ước tính quý II và 6 tháng đầu năm 2023; Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2023.

- Đôn đốc thực hiện cam kết cải thiện chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI năm 2023; rà soát đánh giá quy định, thủ tục hành chính, Xây dựng Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở. Triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Triển khai thực hiện Công điện số 280/CD-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các bộ, cơ quan, địa phương; Rà soát thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 6 năm 2023

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023; Chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh.

Tập trung nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các dự án đầu tư, tham mưu các giải pháp hỗ trợ theo kế hoạch chỉ đạo của UBND tỉnh;

- Chuẩn bị nội dung tham mưu UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành Công Thương năm 2023; Tình hình phát triển các dự án năng lượng trên địa bàn tỉnh. Tham mưu tổ chức sơ kết Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Tham mưu UBND tỉnh đề xuất Tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung Chương trình hành động số 15- CTHĐ/TU ngày 27/4/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55- NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phối hợp làm việc Đoàn công tác giám sát của Thường trực HĐND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 38/2020/NQ-HĐND về chính sách khuyến công và Nghị quyết số 39/2020/NQ-HĐND về chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Hoàn thành kiểm tra và báo cáo tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ tại các khu công nghiệp và trên địa bàn các địa phương theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Thông báo kết luận số 51/TB-UBND ngày 16/3/2023. Đề xuất xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024.

- Hoàn thành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; bãi bỏ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ; Quy chế quản lý kinh phí khuyến công; xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh.

- Tiếp tục phối hợp với BQL dự án các công trình điện miền Trung (chủ đầu tư) và UBND huyện Hải Lăng, các Sở ngành liên quan hỗ trợ đẩy nhanh công tác GPMB dự án Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây đấu nối Quảng Trị -Vũng Áng - Đà Nẵng. Thực hiện và báo cáo các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp) trong 6 tháng đầu năm 2023. Triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023; Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió đã được quy hoạch tiếp tục hoàn thiện thủ tục, triển khai thực hiện dự án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án xúc tiến thương mại năm 2023 thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử của tỉnh năm 2023; Hỗ trợ đưa sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh (từ 7-10 sản phẩm) vào hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại, điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu; Tiếp tục tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng năm 2023; Tổ chức nội dung và thời gian tổ chức tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới;

- Triển khai chỉ đạo của UBND tỉnh về đẩy mạnh tiết kiệm điện và thực hiện các giải pháp đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trên địa bàn tỉnh trong mùa khô và năm 2023.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính; Kế hoạch duy trì HTQLCL ISO 9001:2015 của Sở năm 2023 và triển khai thực hiện. Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả năm 2022 và phân công trách nhiệm thực hiện cải thiện mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 của Sở và triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 5 năm 2023; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hiếu

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 5 năm 2023

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 4/2023		Dự ước tháng 5/2023			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2023 so với tháng 5/2022
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	199.86	107.34	202.28	101.21	104.95	110.01
1. Công nghiệp khai khoáng	128.38	95.40	139.38	108.57	99.96	95.11
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	170.51	105.35	181.01	106.16	103.99	104.58
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	399.72	113.77	360.05	90.07	108.61	126.02
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	126.56	121.73	122.26	96.60	106.22	107.36

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI Tháng 5 năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1929	2221	8130	2278	8376	115.18%	97.53%	97.07%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	668.78	734	3291	893	3687	109.71%	82.21%	89.27%
3	Đá xây dựng	M3	72964.41	71857	280561	59577	281768	98.48%	120.61%	99.57%
4	Tinh bột sắn	Tấn	2773	378	37107	648	34952	13.62%	58.25%	106.17%
5	Bia lon	1000 lít	1942	2299	8983	1116	4278	118.38%	205.98%	209.97%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	961	950	4871	587	4942	98.86%	161.84%	98.56%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2418.97	2315	13605	2148	12334	95.71%	107.79%	110.30%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	5886	6155	26457	7565	32400	104.57%	81.36%	81.66%
9	Dăm gỗ	Tấn	35188	39271	176549	40169	192328	111.60%	97.76%	91.80%
10	Ván ép	M3	17061	20500	87845	24818	118499	120.16%	82.60%	74.13%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	638	670	2835	670	2673	105.02%	100.07%	106.04%

12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	3830	4900	18416	5384	19335	127.94%	91.01%	95.25%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	243	250	1270	292	1387	102.73%	85.62%	91.55%
14	Săm xe các loại	1000 cái	519	520	2385	669	3121	100.21%	77.73%	76.41%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gồm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	12613	13475	58756	13031	57632	106.84%	103.41%	101.95%
16	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	9218	9858	34866	6463	17963	106.94%	152.53%	194.10%
17	Xi măng	Tấn	24724	25800	102809	24500	99727	104.35%	105.31%	103.09%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	130	260	1036	213	1187	200.00%	122.07%	87.24%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	230	201	1308	181	974	87.77%	111.07%	134.31%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	63	63	306	61	284	99.37%	103.28%	107.89%
21	Nước máy	1000 m ³	1354	1300	6191	1207	5670	96.04%	107.68%	109.19%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2736.26	2695.49	12847.5	2294.51	10882.38	98.51%	117.48%	118.06%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2177.40	2164.36	10314.30	1874.07	8825.45	99.40%	115.49%	116.87%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		558.86	531.13	2533.22	420.44	2056.93	95.04%	126.33%	123.16%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	420.72	397.63	1870.54	293.85	1448.13	94.51%	135.32%	129.17%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		419.70	396.78	1868.47	293.13	1446.51	94.54%	135.36%	129.17%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	1.02	0.85	2.07	0.72	1.62	82.96%	117.66%	128.09%
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	138.13	133.50	662.67	126.59	608.80	96.65%	105.46%	108.85%